

**SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 244/BV-TCCB

Hà Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2020

V/v triển khai tuyên truyền
văn kiện pháp lý về biên giới trên
đất liền Việt Nam – Trung Quốc

Kính gửi: Các khoa, phòng trong Bệnh viện.

Thực hiện Công văn số 1202/SYT-TTr ngày 08/07/2020 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang về việc triển khai tuyên truyền 03 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc.

Đề nghị lãnh đạo các khoa, phòng lồng ghép vào các buổi giao ban, hội, họp thực hiện tuyên truyền phổ biến, triển khai tới toàn thể viên chức, người lao động văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc.

- Quan điểm về bảo vệ biên giới quốc gia.
- Biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc
- Các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc

(Đề cương gửi kèm)./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Văn



Người ký: Sở Y tế
Email: syt@hagiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Giang
Thời gian ký: 08.07.2020 16:00:14
+07:00

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1202/SYT-TTr
V/v triển khai tuyên truyền 03
văn kiện pháp lý về BG trên đất
liền Việt Nam-Trung Quốc

Hà Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Lãnh đạo các đơn vị y tế trong ngành

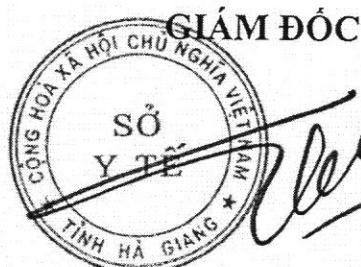
Thực hiện Công văn số 2088/UBND- NCPC ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Về việc tăng cường công tác quản lý biên giới và tuyên truyền 03 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam-Trung Quốc. Sở Y tế yêu cầu:

1. Lãnh đạo các đơn vị y tế trong ngành: Lồng ghép tuyên truyền, phổ biến 03 văn kiện pháp lý (có đề cương gửi kèm) tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức-người lao động trong cơ quan/đơn vị.
2. Giám đốc Trung tâm kiểm soát bệnh tật: Chỉ đạo khoa kiểm dịch y tế phối hợp tốt với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền 03 văn kiện pháp lý cho nhân dân tại khu vực biên giới biết để thực hiện.

Nhận được Công văn này, Giám đốc Sở Y tế yêu cầu lãnh đạo các đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc Sở;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, Ttra.



Lương Viết Thuần

 ĐỀ CƯƠNG
TUYÊN TRUYỀN VỀ VĂN KIẾN PHÁP LÝ VỀ BIÊN GIỚI
TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

PHẦN MỘT
QUAN ĐIỂM VỀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm; được xây dựng, quản lý và bảo vệ vững chắc cả thời bình và thời chiến. Bảo vệ biên giới quốc gia là tổng thể các biện pháp nhằm bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ tính uy nghiêm, biểu tượng quốc gia ở biên giới, cửa khẩu; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, lợi ích quốc gia - dân tộc, tài nguyên, môi trường sinh thái, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và phòng thủ vững chắc khu vực biên giới. Quan điểm cụ thể của Đảng về bảo vệ biên giới quốc gia:

1. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị và cả nước; dựa vào dân, lấy dân làm gốc, nhân dân là chủ thể, "mỗi người dân biên giới là một cột mốc sống"; lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt; Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách, lực lượng chiến đấu đầu tiên, bám trụ đến cùng để bảo vệ và giữ vững biên giới quốc gia.

3. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia đặt trong tổng thể hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng bảo vệ Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, quản lý với bảo vệ biên giới quốc gia, lấy xây dựng là trung tâm, quản lý, bảo vệ là trọng yếu; thường xuyên phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phát huy sức mạnh tổng hợp để quản lý, bảo vệ và phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia.

4. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ở khu vực biên giới. Giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp, thông lệ quốc tế; "vừa hợp tác, vừa đấu tranh" và sẵn sàng kết hợp các biện pháp, hình thức khác làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động xâm phạm, xâm chiếm biên giới quốc gia.

5. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, dựa vào nội lực là chính, kết hợp với tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, phát triển, văn minh, hiện đại; phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia.

PHẦN HAI BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1. Giai đoạn trước năm 1954

Công ước 26/6/1887 và công ước bổ sung 20/6/1895 giữa Chính phủ Pháp (nhân danh Việt Nam) và Triều đình Mãn Thanh Trung Quốc là các văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên xác định biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Đường biên giới do hai Công ước 1887 và 1895 xác lập cơ bản là dựa trên đường biên giới lịch sử vốn có đã tồn tại từ lâu đời giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc trước khi Pháp xâm lược Việt Nam.

Do điều kiện khách quan và chủ quan đường biên giới được xác lập bằng hai Công ước 1887 và 1895 còn rất nhiều hạn chế về chất lượng. Đường biên giới dài khoảng 1400 km, nhưng chỉ có 314 mốc và nhiều sơ hở trong các văn bản, bản đồ và việc cắm mốc trên thực địa (vị trí các cột mốc chỉ được mô tả mà không có toạ độ kèm theo, lời văn về hướng đi của đường biên giới ở một số chỗ không rõ ràng, nhiều mốc cũ đã bị mất, hư hỏng do thời gian, chiến tranh nên đã bộc lộ ra nhiều tranh chấp phức tạp. Vì vậy, Việt Nam và Trung Quốc cần xây dựng một đường biên giới mới bền vững, hữu nghị để đảm bảo cho sự yên ổn, thuận tiện cho việc quản lý biên giới của hai quốc gia.

2. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 2000

Sau khi giành được độc lập, ngày 02/11/1957, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã gửi thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị hai Bên tôn trọng đường biên giới lịch sử do hai Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895 để lại và giải quyết mọi tranh chấp có thể bằng đàm phán. Bức thư nhấn mạnh: *"Vấn đề quốc giới là một vấn đề quan trọng cần giải quyết theo những nguyên tắc pháp lý đang có hoặc được xác định lại do Chính phủ hai nước quyết định"*. Tháng 4/1958, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trả lời đồng ý với đề nghị của phía Việt Nam, tôn trọng hiện trạng đường biên giới lịch sử được Công ước 1887 và 1895 xác lập¹.

Trong những năm 1950 - 1960 quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là quan hệ hữu nghị vừa là đồng chí vừa là anh em. Đường biên giới Việt - Trung là một đường biên giới hoà bình, hữu nghị. Hai bên chủ yếu quản lý đường biên giới theo tập quán và theo các bản đồ của Pháp hoặc của Trung Quốc xuất bản trong giai đoạn này.

Sau khi hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình tại Việt Nam được ký kết Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà bắt đầu kế hoạch khôi phục lại đất nước, mà vấn đề đầu tiên là xác định lại đường biên giới.

¹ Báo Quân đội Nhân dân Việt Nam, ngày 26/2/1999.

Thành công có thể coi là lớn nhất của giai đoạn này chính là Việt Nam đã bảo vệ thành công lập trường của mình là: Hai bên chấp nhận sử dụng Công ước Pháp - Thanh làm cơ sở để xây dựng Hiệp ước hoạch định đường biên giới mới.

Như vậy, sau 7 năm đàm phán (tính từ thời điểm ký thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam - Trung Quốc 19/10/1993 đến khi ký Hiệp ước biên giới ngày 30/12/1999) qua 06 vòng đàm phán cấp Chính phủ; 16 vòng họp của Nhóm công tác liên hợp biên giới trên đất liền Việt - Trung, hai bên đã giải quyết xong các khu vực có nhận thức khác nhau, soạn thảo Hiệp ước biên giới. Ngày 30/10/1999, tại Hà Nội, đại diện Chính phủ hai nước đã ký Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa.

3. Giai đoạn năm 2001 đến năm 2009 (*phân giới cắm mốc*)

Sau khi ký Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ngày 30/12/1999, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị các bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện Hiệp ước biên giới, cụ thể là triển khai thực hiện công tác PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Đây là chỉ đạo cơ bản, trực tiếp, cụ thể về tổ chức các lực lượng liên quan tham gia thực hiện nhiệm vụ PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

II. CÔNG TÁC PHÂN GIỚI CẮM MỐC

1. Cơ cấu tổ chức triển khai

Kết quả của Công tác PGCM là hình thành được đường biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc như hiện nay. Đây là công việc tổng hợp, cần tới sự vào cuộc tham gia của các cấp, các ngành của cả hai nước, đồng thời cũng đòi hỏi có sự chỉ đạo điều hành thống nhất. Vì vậy, hai bên đã phải thành lập các cơ cấu tổ chức như sau:

1.1. Cơ cấu song phương

(1) Đoàn đàm phán Chính phủ về biên giới lãnh thổ.

(2) Ủy ban Liên hợp phân giới cắm mốc.

(3) Nhóm chuyên gia kỹ thuật.

(4) 12 Nhóm liên hợp PGCM (*tuơng ứng với 12 đoạn biên giới để đồng thời thực hiện nhiệm vụ công tác PGCM cụ thể trên thực địa*).

1.2. Cơ cấu tổ chức nội bộ (Việt Nam)

- Ở cấp Trung ương: Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung.

Ban chỉ đạo PGCM của Chính phủ là một Hội đồng liên Bộ², hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Chính phủ, có nhiệm vụ tham mưu và giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác PGCM cũng như

² Tham gia ban chỉ đạo của Chính phủ về phân giới cắm mốc có 11 Bộ, ngành là: Bộ Ngoại giao (UBBGQG), Quốc phòng (BTL BDBP), Công an, Tài chính, Kế hoạch đầu tư, Tài nguyên môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Xây dựng, Nội vụ, Lao động - Thương binh và xã hội, Y tế.

đàm phán song phương giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, nhằm mục đích bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và các lợi ích của quốc gia, của dân tộc theo các nội dung đã thoả thuận giữa Việt Nam và Trung Quốc. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về PGCM là Ban Biên giới của Chính phủ (nay là Ủy ban Biên giới quốc gia - Bộ Ngoại giao).

- Ở các địa phương biên giới: Ban Chỉ đạo PGCM được thành lập tại 6 tỉnh biên giới Việt - Trung, gồm: Lai Châu (Lai Châu thực hiện nhiệm vụ PGCM đoạn biên giới thuộc tỉnh Lai Châu và Điện Biên); Lào Cai; Hà Giang; Cao Bằng; Lạng Sơn và Quảng Ninh.

Ban Chỉ đạo PGCM 6 tỉnh biên giới nêu trên có nhiệm vụ giúp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai toàn diện các mặt công tác PGCM thuộc phạm vi tỉnh quản lý; chỉ đạo hướng dẫn các Nhóm PGCM thực hiện nhiệm vụ; Đảm bảo các chế độ, chính sách theo đúng quy định; chủ trì công tác hiệp đồng.

2. Quá trình triển khai công tác phân giới cắm mốc

Trong 9 năm triển khai PGCM, hai bên đã cùng nhau cố gắng giải quyết các vấn đề trên thực địa và trong vòng đàm phán hai bên đã cùng nhau nhằm tìm ra một giải pháp công bằng, phù hợp với lời văn và tinh thần của Hiệp ước 1999. Hai bên đã tiến hành 13 vòng đàm phán cấp Chính phủ về biên giới Lãnh thổ và rất nhiều cuộc gặp hai Trưởng đoàn đàm phán Chính phủ về biên giới lãnh thổ; 35 vòng đàm phán cấp Chủ tịch Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc.

Ngày 27/12/2001, hai Bên cắm cột mốc đầu tiên, mốc 1369 tại cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) khởi động cho công tác PGCM trên thực địa.

Đến ngày 31/12/2008, Hai bên đã giải quyết xong toàn bộ các vấn đề còn tồn tại, hoàn thành công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Hai trưởng đoàn đàm phán cấp Chính phủ về biên giới lãnh thổ đã tuyên bố chung về việc hoàn thành công tác phân giới cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc đúng thời hạn như Lãnh đạo cấp cao hai nước đã thoả thuận.

Hai bên đã phân giới xong toàn bộ tuyến biên giới Việt - Trung tổng chiều dài đường biên giới là 1449,566 km. Đã cắm được 1971 cột mốc, (gồm 1 cột mốc ngã ba biên giới Việt - Trung - Lào, trong đó có 1548 cột mốc chính, 422 cột mốc phụ). Hệ thống mốc giới này đã được đánh dấu, ghi nhận toạ độ và mô tả phù hợp với địa hình thực tế một cách khách quan, khoa học, chi tiết. Đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc được đánh giá là có mức độ cột mốc dày đặc và rõ ràng, được xác định theo phương pháp hiện đại, đảm bảo tính trung thực và bền vững lâu dài.

3. Kết quả PGCM trên tuyến biên giới của tỉnh Hà Giang

Kết quả PGCM trên toàn tuyến biên giới của tỉnh Hà Giang: Khởi đầu triển khai công tác PGCM tại thực địa hai bên đã cùng nhau xác định và tổ chức cắm mốc đôi cùng số 261 tại cửa khẩu Thanh Thủy - Thiên Bảo. Kết thúc, hai bên đã thực hiện PGCM được 277,556 km đường biên giới, đã tiến hành PGCM

từ mốc giới số 172 đến mốc giới số 519/2. Xác định được 442 vị trí cột mốc (trong đó có 358 mốc chính và 84 mốc phụ).

Chiều dài biên giới đất liền là 246,038 km.

Chiều dài biên giới theo sông suối là 31,487 km.

Đoạn biên giới tiếp giáp với tỉnh Vân Nam là 265,011 km.

Đoạn biên giới tiếp giáp với tỉnh Quảng Tây là 12,514 km.

Tổng chiều dài biên giới của huyện Xín Mần: 31 km.

Tổng chiều dài biên giới của huyện Hoàng Su Phì: 39,957 km.

Tổng chiều dài biên giới của huyện Vị Xuyên: 32,632 km.

Tổng chiều dài biên giới của huyện Quản Bạ: 52,244 km.

Tổng chiều dài biên giới của huyện Yên Minh: 25,949 km.

Tổng chiều dài biên giới của huyện Đồng Văn: 53,808 km.

Tổng chiều dài biên giới của huyện Mèo Vạc: 41,935 km.

Kết quả phân giới cắm mốc là thoả đáng, hợp tình, hợp lý đáp ứng yêu cầu của cả hai bên, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản mà cả hai bên đã thoả thuận. Đường biên giới được xác lập trên thực tế về cơ bản đúng với đường biên giới theo Hiệp ước 1999. Đối với một số nơi, hai bên cùng điều chỉnh theo nguyên tắc cân bằng về lợi ích và diện tích nhằm tạo thuận lợi cho công tác quản lý và không gây xáo trộn đối với cuộc sống của cư dân biên giới.

4. Ý nghĩa của việc hoàn thành công tác PGCM

Hoàn công tác PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc và tuyên bố kết thúc PGCM ngày 31/12/2008 là sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Lần đầu tiên trong lịch sử, hai nước xác định được một đường biên giới rõ ràng trên đất liền với một hệ thống mốc giới hiện đại, đặt nền tảng vững chắc cho công việc xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định và phát triển giữa hai nước, mở ra một trang mới trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Có thể khái quát ý nghĩa của việc hoàn thành công tác PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc như sau:

Một là, cùng với việc ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ ngày 25/12/2000, việc hoàn thành PGCM đường biên giới trên bộ, ta đã giải quyết dứt điểm được hai trong ba vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Điều này chứng tỏ hai Đảng cộng sản, hai nhà nước Xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có đủ khả năng để giải quyết mọi bất đồng bằng biện pháp hoà bình; thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị và toàn diện giữa hai nước.

Hai là, xác định rõ ràng một đường biên, mốc giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tạo cơ sở để các ngành chức năng tiến hành quản lý biên giới một cách có hiệu quả, nhân dân sống ở khu vực biên giới giữa hai nước sẽ dễ dàng

nhận biết được đường biên giới, cùng nhau bảo vệ đường biên, mốc giới, ngăn ngừa hiện tượng xâm canh, xâm cư do thiếu hiểu biết về đường biên giới; mở ra cơ hội mới cho công cuộc phát triển của mỗi nước, đặc biệt là tạo điều kiện cho các địa phương biên giới hai bên mở rộng hợp tác, phát triển kinh tế, tăng cường giao lưu hữu nghị.

Ba là, việc hoàn thành PGCM đưa Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc vào cuộc sống theo đúng thoả thuận giữa lãnh đạo cấp cao hai nước là biểu hiện sinh động của mối quan hệ “*đối tác hợp tác chiến lược toàn diện*” Việt Nam - Trung Quốc, góp phần gia tăng sự tin cậy giữa hai bên, tạo động lực mới thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Trung Quốc phát triển mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn.

Bốn là, thể hiện rõ quyết tâm của hai Đảng, hai Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc trong việc giải quyết bằng thương lượng hoà bình tất cả vấn đề biên giới lãnh thổ còn tồn đọng trong quan hệ hai nước.

Năm là, trên bình diện quốc tế và khu vực, việc hoàn thành PGCM trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc là sự đóng góp thiết thực đối với hoà bình, ổn định và phát triển ở khu vực, góp phần khẳng định các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế; giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ bằng thương lượng hoà bình, không sử dụng vũ lực, hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong giải quyết tranh chấp quốc tế.

Sáu là, lần đầu tiên trong lịch sử, hai nước Việt Nam - Trung Quốc độc lập, có chủ quyền đã hoạch định rõ ràng đường biên giới giữa hai nước bằng các văn bản pháp lý và phân giới, đánh dấu rõ đường biên giới này bằng một hệ thống mốc giới thống nhất, chính quy, hiện đại, đảm bảo mỹ quan trên thực địa thay cho hệ thống mốc giới cũ do Pháp và nhà Thanh cắm trước đây; đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích chung của nhân dân hai nước; góp phần tạo dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

PHẦN BA CÁC VĂN KIẾN PHÁP LÝ VỀ BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

I. NGHỊ ĐỊNH THƯ PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM – TRUNG QUỐC GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (sau đây gọi tắt là “*Nghị định thư PGCM*”)

Nghị định thư PGCM mô tả chi tiết từng mốc quốc giới được cắm tại điểm có tọa độ, độ cao được đo bằng máy GPS hai tần số; mô tả hướng đi của từng đoạn và toàn bộ đường biên giới, cũng như địa hình đường biên, mốc giới đi qua. Mỗi đoạn biên giới và mỗi mốc giới có một hồ sơ riêng bao gồm lời văn mô tả, sơ đồ tọa độ và bản đồ.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam - Trung Quốc từng đoạn biên giới, từng cột mốc biên giới giữa hai nước được thể hiện một cách rõ ràng nhất không chỉ bằng lời văn mà cả trên các sơ đồ và bản đồ, giúp cho mỗi người dân đều có thể dễ dàng nhận biết được đường biên giới. Trên cơ sở của nghị định thư PGCM ta có thể áp dụng những phương pháp quản lý hiện đại, kể cả áp dụng kỹ thuật số trong công tác quản lý biên giới, tạo điều kiện cho các cán bộ trực tiếp làm công tác biên giới thực thi nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả nhất.

1. Nội dung (5 phần, 13 điều)

Phần I. Các quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6), nêu cơ sở pháp lý và triển khai công tác PGCM, quy định cách thức mô tả đường biên giới; chất liệu mốc giới, phân công cắm mốc, các loại mốc giới và cách đánh số mốc giới.....

Phần II. Mô tả hướng đi của đường biên giới và vị trí mốc giới (Điều 7) từ điểm khởi đầu đường biên giới (*giao điểm giữa ba nước được quy định trong "Hiệp ước về xác định giao điểm đường biên giới giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa"*) đến điểm kết thúc đường biên giới (*điểm thứ nhất của đường phân định lãnh hải trong vịnh Bắc bộ giữa hai nước được quy định trong "Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về việc phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong vịnh Bắc bộ"*).

Phần III. Kiểm tra bảo vệ hướng đi của đường biên, mốc giới, đường thông tầm nhìn biên giới (từ Điều 8 đến Điều 10) gồm các quy định cụ thể đối với công tác kiểm tra, bảo vệ hướng đi của đường biên, mốc giới, đường thông tầm nhìn biên giới....

Phần IV. Khu vực tàu thuyền đi lại tự do (Điều 11), quy định rõ phạm vi, điều kiện đi lại tự do của tàu thuyền tại cửa sông Bắc Luân theo đúng thoả thuận của hai trưởng đoàn đại biểu Chính phủ đàm phán về biên giới lãnh thổ; đồng thời nêu rõ các hoạt động này được thực hiện theo hiệp định do hai Chính phủ Việt Nam - Trung Quốc thống nhất.

Phần V. Các điều khoản cuối cùng (Điều 12, Điều 13), quy định về hiệu lực, trình tự và thủ tục để Nghị định thư có hiệu lực.....

2. Phụ lục kèm Nghị định thư PGCM

2.1. Bản đồ Biên giới (35 mảnh bản đồ và 3 tờ phụ lục)

Bản đồ Biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (gọi tắt là bản đồ thể giới) là tài liệu đính kèm Nghị định thư.

Bản đồ biên giới gồm 35 mảnh Việt - Trung văn và 35 mảnh Trung - Việt văn, đánh số từ Tây sang Đông, được thành lập tỷ lệ 1/50000.

Trên bản đồ thể giới đối với vị trí mốc giới quá dày sát nhau không thể căn cứ theo vị trí thực tế để vẽ mốc giới và điểm đặc trưng của đoạn biên giới, thì biểu thị trên bản đồ phóng tại những chỗ trống trong khung bản đồ. Bản đồ biên giới

thể hiện dải địa hình cách đường biên giới từ 3 đến 5 km về hai phía. Nội dung bản đồ bao gồm: cơ sở toán học, dân cư, mạng lưới đường xá, hệ thống thủy hệ, dạng đất và chất đất, thực vật đường biên giới và các mốc giới. Bản đồ được thành lập theo ảnh hàng không bay chụp năm 1996-1998, được lưu giữ ở hai dạng (file và trên giấy). Bản đồ biên giới in 5 màu: đen, nâu, lơ, ve, đỏ, trong đó màu đỏ thể hiện đường biên giới, các mốc giới và số hiệu của nó.

2.2. Bảng đăng ký mốc giới (1.980 trang)

Thông kê loại hình mốc, vật liệu làm mốc, thời gian cắm mốc, mô tả vị trí cắm mốc, toạ độ vuông góc và địa lý của mốc, chiều cao mốc và độ cao mặt đất mốc, vị trí và khoảng cách giữa các mốc, sơ đồ vị trí mốc của từng cột mốc. Bảng đăng ký mốc giới được đóng thành 3 tập với 1980 bảng đăng ký mốc giới (có 10 mốc ở Quảng Ninh phải làm hai múi chiếu).

2.3. Bảng toạ độ và độ cao mốc giới (111 trang)

Thông kê toạ độ, góc phương vị, khoảng cách với các mốc liền kề, độ cao mốc, khoảng cách đến đường biên giới của tất cả các mốc.

2.4. Bảng kê sự quy thuộc của các cồn bãi (8 trang)

Thông kê tên các cồn bãi, nước quy thuộc, toạ độ tâm các cồn bãi trên sông suối biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

II. HIỆP ĐỊNH VỀ QUY CHẾ QUẢN LÝ BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (sau đây gọi tắt là "Hiệp định về quy chế quản lý biên giới")

Hiệp định về quy chế quản lý biên giới quy định rõ những nội dung công việc cụ thể của các ngành chức năng trong việc quản lý, bảo vệ đường biên, mốc giới; khai thác và sử dụng, nguồn nước sông suối biên giới; các quy định về sự qua lại biên giới của người, phương tiện, hàng hóa; quy chế phối hợp trong việc duy trì, bảo đảm an ninh, trật tự trên vùng biên giới. Kèm theo Hiệp định còn có 18 Phụ lục quy định về các loại mẫu giấy tờ trao đổi giữa hai bên trong quá trình xử lý các công việc trên vùng biên giới hai nước.

Nội dung của Hiệp định về quy chế quản lý biên giới gồm (11 chương, 54 điều, 18 phụ lục).

Chương I. Về giải thích thuật ngữ (Điều 1)

Chương II. Quản lý duy trì và bảo vệ hướng đi đường biên giới, mốc giới và đường thông tâm nhìn biên giới.

Điều 2. Quy định về đường biên giới được xác định theo các văn kiện mà hai bên đã ký kết.

Điều 3. Hai bên tiến hành tuyên truyền giáo dục dân cư biên giới khuyến khích họ, ủng hộ họ và tham gia bảo vệ đường biên mốc giới...

Điều 4. Quy định về việc các bên tự phụ trách bảo dưỡng, sửa chữa, khôi phục các mốc giới do bên mình cắm và đường thông tầm nhìn biên giới trong lãnh thổ bên mình.

Điều 5. Quy định rõ việc sửa chữa, khôi phục, cắm lại mốc giới trường hợp không thể khôi phục hoặc cắm lại mốc tại vị trí cũ cần lập biên bản nêu rõ lý do và báo cáo lên trên.

Điều 6. Quy định về việc bố trí thêm vật đánh dấu đường biên giới tại các điểm biên giới có dân cư đông hoặc khó nhận biết.

Điều 7. Quy định về phát quang làm rõ đường biên giới.

Chương III. Kiểm tra liên hiệp biên giới.

Điều 8. Quy định thời gian, nhiệm vụ, phương pháp... của công tác kiểm tra liên hiệp biên giới. Cứ 10 năm sẽ tiến hành kiểm tra liên hiệp 1 lần, công tác kiểm tra do Ủy ban kiểm tra liên hiệp tiến hành.

Chương IV. Vùng nước biên giới.

Điều 9. Quy định về việc hợp tác giải quyết các vấn đề sử dụng và bảo vệ vùng nước biên giới.

Điều 10. Quy định chi tiết về quyền tiến hành sản xuất nghề cá trong phạm vi cùng nước biên giới thuộc lãnh thổ bên mình và các biện pháp ngăn chặn việc đánh bắt cá trái phép như: dùng chất nổ, xung điện, chất độc...

Điều 11. Quy định hai bên không được đơn phương làm thay đổi địa thế của vùng nước biên giới không được làm thay đổi dòng chảy và không được làm ảnh hưởng tới bờ bên kia. Quy định về nạo vét đất bùn ở vùng nước biên giới không làm ảnh hưởng xấu đến lòng sông, bờ sông và môi trường...

Điều 12. Quy định về việc đi lại trên sông.

Điều 13. Quy định về việc phòng ngừa thiên tai lũ lụt.

Chương V. Hoạt động và sản xuất tại vùng biên giới.

Điều 14. Quy định về nghiêm cấm một số hoạt động tại khu vực biên giới.

Điều 15. Quy định về các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái tại vùng biên giới.

Điều 16. Quy định về việc xây dựng các công trình cắt qua đường biên giới.

Điều 17. Quy định về việc áp dụng các biện pháp giám sát, quản lý đối với việc chăn thả gia súc, gia cầm khu vực biên giới.

Điều 18. Quy định về các biện pháp cần xử lý khi có dịch bệnh tại vùng biên giới.

Điều 19. Quy định về hoạt động khi xảy ra thiên tai.

Điều 20. Quy định về việc tiến hành bay chụp ảnh hàng không và sử dụng các thiết bị bay khác.

Điều 21. Quy định về việc xây dựng các công trình vĩnh cửu trên biên giới.

Chương VI. Qua lại biên giới và duy trì bảo vệ trật tự biên giới (từ Điều 22 đến Điều 27), quy định việc qua lại biên giới (XNC) của các đối tượng khác nhau; quy định về cơ quan chủ quản duy trì trật tự vùng biên giới của hai bên.

Chương VII. Quy chế liên hệ và hợp tác kinh tế tại vùng biên giới (từ Điều 28 đến Điều 30), quy định việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác của các cấp, các ngành tại khu vực biên giới.

Chương VIII. Xử lý sự kiện biên giới

Điều 31. Thống kê chi tiết các sự kiện cần xử lý ở vùng biên giới.

Điều 34. Quy định về việc sử dụng vũ khí chống người xuất nhập cảnh trái phép.

Điều 35. Quy định về việc xử lý khi phát hiện thi thể người, xác súc vật... và thời gian cần thiết để xử lý đối với xác người là 48 giờ.

Điều 37. Quy định về việc xử lý thiết bị bay vượt biên trái phép.

Chương IX. Đại diện biên giới, chức năng quyền hạn, trình tự công tác của Đại diện biên giới.

Hiệp định có 18 phụ lục là các mẫu bảng biểu cần tuân theo trong quá trình giải quyết các công việc liên quan đến biên giới. Hiệp định tạm thời 1991 không có các phụ lục này.

Chương X. Cơ chế thực hiện

Điều 50. Quy định chức năng, quyền hạn duy trì thực hiện hiệp định của Ủy ban liên hợp biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

Chương XI. Điều khoản cuối cùng (từ Điều 51 đến Điều 54), quy định thời hạn có hiệu lực của Hiệp định là 10 năm; quy định chức năng, quyền hạn chỉnh sửa, bổ sung đối với Hiệp định của Ủy ban liên hợp biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

III. HIỆP ĐỊNH VỀ CỬA KHẨU VÀ QUY CHẾ QUẢN LÝ CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (sau đây gọi tắt là "Hiệp định về cửa khẩu")

Hiệp định về cửa khẩu quy định danh mục 09 cặp cửa khẩu đã mở và 13 cặp cửa khẩu dự kiến sẽ mở trong tương lai; quy định về thời gian làm việc của các cặp cửa khẩu, việc người, phương tiện và hàng hóa qua lại cửa khẩu trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, quy định về quy trình, thủ tục mở các cặp cửa khẩu mới.

Nội dung của Hiệp định về cửa khẩu gồm 12 điều, 01 phụ lục.

Điều 1. Giải thích các thuật ngữ sử dụng trong Hiệp định.

Điều 2. Quy định thống nhất danh mục, thời gian làm việc của các cửa khẩu đã mở và sẽ mở, thủ tục mở cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc...

Điều 3. Quy định về việc qua lại của người, hàng hoá, phương tiện giao thông vận tải tại các cửa khẩu.

Điều 4. Quy định về hoạt động nghiệp vụ, trao đổi nghiệp vụ của các cơ quan kiểm tra, kiểm nghiệm của hai bên tại các cửa khẩu...

Điều 5. Quy định về thời gian làm việc của các cửa khẩu đã mở, quy định về nghĩa vụ thông báo cho nhau trong trường hợp đóng cửa, thay đổi vị trí, loại hình cửa khẩu...

Điều 6 đến Điều 12. Quy định về một số nội dung khác và quy định về hiệu lực, trình tự và thủ tục để Hiệp định có hiệu lực, thủ tục gia hạn, huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung của Hiệp định...

IV. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC VĂN KIỆN

Ngày 14/7/2010, tại cửa khẩu Thanh Thủy (Hà Giang, Việt Nam) - Thiên Bảo (Vân Nam, Trung Quốc), hai Bên đã long trọng tổ chức Lễ tuyên bố 3 văn kiện chính thức có hiệu lực. Ba văn kiện chính thức có hiệu lực đã kết thúc quá trình giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, tạo căn cứ pháp lý để hai Bên thực thi việc quản lý, bảo vệ biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc theo đường biên giới mới.

1. Song phương Việt Nam - Trung Quốc

1.1. Ủy ban liên hợp biên giới

Để triển khai, thực hiện 03 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa hai Bên đã thành lập Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

1.2. Ủy ban hợp tác cửa khẩu

Năm 2013, hai bên thành lập Ủy ban hợp tác cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc với chức năng, nhiệm vụ quản lý hệ thống cửa khẩu trên tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

2. Cấp trung ương phía Việt Nam

2.1. Phân ban Việt Nam

Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định thành lập Phân ban Việt Nam trong Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn là "Chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị định thư Phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới, Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc". Phân ban gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên như sau:

Chủ tịch Phân ban là Phó chủ nhiệm Ủy ban biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao.

Phó Chủ tịch Phân ban là Vụ trưởng Vụ Việt - Trung, Ủy ban biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao.

Các thành viên gồm đại diện các bộ, ngành và địa phương liên quan: Văn phòng Chính phủ; các bộ Quốc phòng, Công an, Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp & PTNT, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng (Bộ Quốc phòng); đại diện 7 tỉnh biên giới giáp Trung Quốc và các Đại diện biên giới.

Vụ Việt - Trung thuộc Ủy ban biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao là cơ quan thường trực, giúp việc cho Phân ban Việt Nam.

Phía Trung Quốc thành lập Phân ban Trung Quốc do Tham tán, Vụ Biên giới và Biển, Bộ Ngoại giao là Chủ tịch Phân ban Trung Quốc.

2.2. Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu

Năm 2013, Bộ Quốc phòng đã ban hành quyết định thành lập Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu phía Việt Nam trong Ủy ban hợp tác cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc với nhiệm vụ là cơ quan triển khai Hiệp định quản lý cửa khẩu. Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu phía Việt Nam gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên như sau:

Chủ tịch Ủy ban là Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng.

Phó Chủ tịch Ủy ban là Cục Trưởng Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng.

Các thành viên gồm đại diện các bộ, ngành: Văn phòng Chính phủ; các bộ Công an, Ngoại giao, Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư, Nông nghiệp & PTNT, Y tế, Giao thông vận tải; đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân 07 tỉnh biên giới giáp Trung Quốc; đại diện Lãnh đạo Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng 07 tỉnh biên giới giáp Trung Quốc.

Cục Cửa khẩu thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng là cơ quan thường trực Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu phía Việt Nam.

Phía Trung Quốc thành lập Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu phía Trung Quốc do Chủ nhiệm Chính trị, Phó Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan Trung Quốc làm Chủ tịch Ủy ban.

3. Các tỉnh biên giới Việt Nam

Thực hiện quản lý Nhà nước về biên giới quốc gia tại địa phương theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan.

Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về chính trị, kinh tế văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh trong thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân tại địa phương.

Xây dựng quy hoạch, bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, sắp xếp lại sản xuất ở khu vực biên giới; kết hợp phát triển kinh tế văn hoá - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới.

Chỉ đạo các lực lượng, các ban, ngành và phát động phong trào quần chúng nhân dân ở địa phương phối hợp với Bộ đội biên phòng để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm trong khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: (1) Xây dựng và thực hiện các dự án phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội đối với từng tiểu vùng, tạo sự thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội ở khu vực biên giới; (2) Động viên các doanh nghiệp hoạt động ở khu vực biên giới hỗ trợ việc xây dựng các cơ sở hạ tầng, phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội; (3) Vận động, khuyến khích các tổ chức, địa phương cả nước kết nghĩa, liên doanh và hỗ trợ các địa phương ở khu vực biên giới.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới quốc gia.

Thực hiện quan hệ đối ngoại với chính quyền địa phương nước láng giềng theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế về biên giới.

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành và pháp luật quy định để tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác biên giới, lãnh thổ tại địa phương theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương liên quan.

4. Các huyện biên giới

Thực hiện công tác quản lý Nhà nước về biên giới, lãnh thổ quốc gia trên địa bàn. Tổ chức các lực lượng chức năng, huy động quần chúng nhân dân thực hiện phong trào toàn dân tham gia xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới, lãnh thổ trên địa bàn huyện, xây dựng khu vực biên giới trên đất liền vững mạnh về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh; duy trì việc nhận biết đường biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ biên giới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện tốt các nội dung của ba văn kiện biên giới.

Tăng cường giao lưu, hợp tác hữu nghị với các huyện biên giới tương ứng phía Trung Quốc. Phối hợp với chính quyền địa phương và lực lượng bảo vệ biên giới phía Trung Quốc giải quyết các vụ việc xảy ra trên biên giới có liên quan đến hai nước một cách kịp thời, đúng theo Hiệp định về quy chế quản lý biên giới.

Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, hiệp thương, thỏa thuận với địa phương đối đẳng phái Trung Quốc phương án xây dựng và phương án thiết kế sơ bộ các công trình xây dựng trên biên giới trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của huyện phối hợp với Đoàn biên phòng và các cơ quan có liên quan trong quản lý, bảo vệ biên giới, lãnh thổ quốc gia trên địa bàn; đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hoạt động vi phạm chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới trên đất liền thuộc địa bàn huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

Chỉ đạo các xã/thị trấn, thôn/bản biên giới duy trì và phát huy tốt cơ chế giao lưu, hợp tác hữu nghị đã thiết lập với các hương/trấn, thôn/bản tương ứng phía Trung Quốc theo Phương châm 16 chữ và Tinh thần 4 tốt về thúc đẩy giao lưu, hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

5. Các xã/thị trấn biên giới

Thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia tại địa phương mình theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành chức năng liên quan.

Duy trì và phát huy tốt cơ chế giao lưu, hợp tác hữu nghị đã thiết lập với các hương/trấn biên giới tương ứng phía Trung Quốc theo Phương châm 16 chữ và Tinh thần 4 tốt về thúc đẩy giao lưu, hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Chủ động nghiên cứu, đề xuất xin ý kiến triển khai các hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị giữa hai bên.

Chủ động phát động phong trào quần chúng nhân dân ở địa phương phối hợp với cơ quan chức năng để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm trong khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức tuyên truyền các văn kiện pháp lý về biên giới và phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới quốc gia trên địa bàn.

Tuyên truyền, phổ biến để nhân dân hiểu được trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia; xây dựng khu vực biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới; phải báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan Nhà nước nơi gần nhất khi phát hiện các hành vi xâm phạm biên giới, phá hoại an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới; thực hiện xuất nhập cảnh qua lại khu vực biên giới hai nước đúng quy định.....

6. Một số khó khăn, hạn chế

Hiểu biết của một bộ phận nhân dân khu vực biên giới đối với các quy định của 3 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc còn hạn chế, vì vậy, đến nay (sau 10 năm) vẫn còn xảy ra tình trạng vượt biên trái phép, quá canh, chần thả gia súc qua biên giới..... gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn tại khu vực biên giới.

Vẫn còn xảy ra các vụ việc vi phạm ở khu vực biên giới như: Vi phạm Quy chế quản lý biên giới, vi phạm quy định xuất nhập cảnh qua biên giới, đặc biệt là các vụ việc xâm hại đến mốc giới, làm ảnh hưởng đến tính nguyên trạng đường biên giới, mốc giới quốc gia.

Việc di chuyển mồ mã trên toàn tuyến biên giới của tỉnh đến nay chưa hoàn thành theo thỏa thuận của hai bên, nguyên nhân chính là do yếu tố tâm linh, phong tục tập quán của người dân địa phương hai bên biên giới là chôn cất một lần, nên không muốn di dời.

Một số công trình trên biên giới, sau khi hai huyện hiệp thương xong, chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ cho phía đối diện dẫn đến kéo dài thời gian phê duyệt của Ủy ban liên hợp biên giới (do thiếu hồ sơ), ảnh hưởng đến tiến độ tổ chức triển khai xây dựng.

Do nhu cầu về sử dụng lao động và nhu cầu về việc làm tại khu vực biên giới hai nước ngày càng lớn, nên tình trạng lao động qua biên giới (không phép) rất phổ biến gây khó khăn cho công tác quản lý, ảnh hưởng an ninh trật tự khu vực biên giới.

7. Công tác phối hợp thời gian tới

Công tác phối hợp tập trung thống nhất dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự điều hành, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện biên giới trên địa bàn tỉnh, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam đã gia nhập, để nâng cao hiệu quả công tác Quản lý nhà nước về biên giới.

Trao đổi thông tin về tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, những vấn đề liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, biên giới lãnh thổ trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp xử lý, giải quyết các vụ việc xảy ra trên biên giới liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về biên giới trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp trong công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật và các văn kiện pháp lý về biên giới, vận động quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ đường biên, cột mốc thuộc địa bàn tỉnh.

Phối hợp trao đổi đẩy nhanh tiến độ di dời mồ mã của cư dân hai bên biên giới; tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân biên giới di dời mồ mã.

Phối hợp trong công tác mở mới, nâng cấp các cặp cửa khẩu, lối mòn, triển khai chính sách phát triển kinh tế biên mậu, kinh tế cửa khẩu, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Phối hợp trong triển khai xây dựng các công trình bảo vệ biên giới, mốc quốc giới theo quy định của các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

**Ghi chú: Trong quá trình triển khai công tác tuyên truyền, các đơn vị liên quan bổ sung các nội dung phù hợp với chức năng nhiệm vụ cụ thể ở từng thời điểm, yêu cầu thực tế công tác quản lý của đơn vị; kịp thời phản hồi, đề xuất sửa đổi, cắt bỏ các nội dung không phù hợp, bổ sung các nội dung mới cho phù hợp với yêu cầu thực tế./*